

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BA ĐỒN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/TCDS-ST
Ngày: 17 - 12 - 2021
V/v: Tranh chấp về thừa kế tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Hoàng Công Nghĩa
2. Hoàng Thanh Diện

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoài Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 25/2021/TLST-TCDS ngày 04 tháng 5 năm 2021 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2021/QĐST-DS ngày 25/10/2021 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Phan Thị V, sinh năm: 1950

Địa chỉ: Khu phố 5, phường Ba Đ, thị xã Ba Đ, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

- ***Bị đơn:*** Anh Nguyễn Văn H, sinh năm: 1978

Địa chỉ: Khu phố 5, phường Ba Đ, thị xã Ba Đ, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

- ***Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***

1. Anh Nguyễn Hoa N, sinh năm 1976

Địa chỉ: Khu phố 5, phường Ba Đ, thị xã Ba Đ, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

2. Chị Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm 1981

Địa chỉ: Thôn Vân H, xã Quảng T, huyện Quảng T, Quảng Bình, vắng mặt.

3. Chị Nguyễn Thị Quỳnh H, sinh năm 1986

Địa chỉ: Khu phố 5, phường Ba Đ, thị xã Ba Đ, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

4. Anh Nguyễn Ngọc V, sinh năm 1983

Địa chỉ: Khu phố 5, phường Ba Đ, thị xã Ba Đ, tỉnh Quảng Bình (Vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 23/4/2021, biên bản lấy lời khai ngày 27/5/2021, biên bản lấy lời khai bổ sung ngày 16/6/2021 cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phan Thị V trình bày:

Bà và chồng bà là ông Nguyễn Hữu V, sinh năm 1945 kết hôn với nhau. Ông bà có 05 con chung là: Nguyễn Hoa N, sinh năm 1976; Nguyễn Văn H, sinh năm 1978; Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm 1982; Nguyễn Ngọc V, sinh năm 1983 và Nguyễn Thị Quỳnh H, sinh năm 1986. Ngoài 5 người con trên thì ông V không có người con nào khác. Bố mẹ của ông V hiện nay đều đã chết. Vợ chồng bà có khối tài sản chung là thửa đất số 44, tờ bản đồ số 32; địa chỉ thửa đất: Khu phố 5, phường Ba Đồn, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình. Thửa đất này là do trước đây vợ chồng bà khai hoang mà có và 02 ngôi nhà là tài sản gắn liền trên thửa đất nói trên. Tuy nhiên do quy hoạch làm đường nội thị thuộc thị xã Ba Đồn nên Ủy ban nhân dân huyện Quảng Trạch chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng bà. Đến ngày 16/5/2007, chồng bà chết vì bệnh và không để lại di chúc. Đến ngày 06/10/2020 sau khi xóa quy hoạch, không làm đường nội thị nữa thì gia đình bà mới được Ủy ban nhân dân thị xã Ba Đồn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi chồng bà chết, gia đình bà đã họp để chia tài sản thừa kế của chồng bà nhưng không thành do con trai bà là Nguyễn Văn H không đồng ý, bà đã làm đơn gửi Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Bình đề nghị tách thửa đất nói trên. Đến ngày 14/12/2020, thửa đất đó đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Bình tách thành 3 thửa đất gồm: Thửa đất số 151, tờ bản đồ số 32, diện tích 153,2 m²; thửa đất số 152, tờ bản đồ số 32, diện tích 140,4 m²; Thửa đất số 153, tờ bản đồ số 32, diện tích 118,6 m²; mục đích sử dụng là đất ở đô thị và đất trồng cây hàng năm; địa chỉ các thửa đất tại khu phố 5, phường Ba Đồn, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của 3 thửa đều mang tên bà là người đại diện của những người được thừa kế. Hiện nay cả 3 thửa đất và 02 ngôi nhà nói trên do bà quản lý, sử dụng.

Nguyện vọng của bà là yêu cầu phân chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản do ông Nguyễn Hữu V để lại là một phần hai giá trị của 03 thửa đất, gồm: Thửa đất số 151, tờ bản đồ số 32, diện tích 153,2 m²; thửa đất số 152, tờ bản đồ số 32, diện tích 140,4 m²; Thửa đất số 153, tờ bản đồ số 32, diện tích 118,6 m²; địa chỉ các thửa đất tại khu phố 5, phường Ba Đồn, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình và 02 ngôi nhà tạo lạc trên 03 thửa đất nói trên cho những người thừa kế, gồm: bà, anh Nguyễn Văn H, Nguyễn Hoa N, Nguyễn Thị Hồng V, Nguyễn Ngọc V và Nguyễn Thị Quỳnh H. Đồng thời bà có nguyện vọng tiếp tục được quản lý và sử dụng và sở hữu khối tài sản này và trả phần chênh lệch cho bị đơn anh Nguyễn Văn H theo phần. Vì những người con khác gồm: Nguyễn Hoa N, Nguyễn Thị Hồng V, Nguyễn Ngọc V và Nguyễn Thị Quỳnh H

đã nhất trí thống nhất giao toàn bộ kỹ phần được hưởng của mình cho bà được quyền sở hữu và sử dụng.

Tại các bản tự khai ngày 27/5/2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hoa N, chị Nguyễn Thị Hồng V, chị Nguyễn Thị Quỳnh H trình bày:

Nhất trí với trình bày của nguyên đơn bà Phan Thị V về di sản thừa kế mà ông Nguyễn Hữu V để lại là 03 thửa đất: Thửa đất số 151, tờ bản đồ số 32, diện tích 153,2 m²; thửa đất số 152, tờ bản đồ số 32, diện tích 140,4 m²; thửa đất số 153, tờ bản đồ số 32, diện tích 118,6 m²; mục đích sử dụng là đất ở đô thị và đất trồng cây hàng năm; địa chỉ các thửa đất tại khu phố 5, phường Ba Đồn, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của 3 thửa đất đều mang tên bà Phan Thị V là người đại diện cho những người cùng hàng thừa kế và 02 ngôi nhà tạo lạc trên 03 thửa đất nói trên. Những người được hưởng thừa kế theo hàng thừa kế thứ nhất gồm: Mẹ là bà Phan Thị V và 05 người con gồm: Nguyễn Văn H, Nguyễn Hoa N, Nguyễn Thị Hồng V, Nguyễn Ngọc V và Nguyễn Thị Quỳnh H. Nguyên vọng của mọi người là giao lại phần thừa kế của mình cho bà Phan Thị V được quyền sở hữu và sử dụng.

Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Ngọc V đã có văn bản từ chối nhận di sản thừa kế và đồng thời giao lại cho mẹ anh là bà Phan Thị V được quản lý, sử dụng, định đoạt đối với phần thừa kế của mình. Ngày 21/6/2021 anh V có đơn xin xét xử vắng mặt do điều kiện đi làm ăn xa ở tỉnh Bình Dương và tình hình dịch bệnh phức tạp nên không thể tham gia các buổi hòa giải và tại phiên tòa.

Toà án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình sau khi thụ lý vụ án đã nhiều lần triệu tập các đương sự đến tại trụ sở Toà án để lấy lời khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải tuy nhiên chỉ có nguyên đơn bà Phan Thị V và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt. Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn H vắng mặt. Mặc dù Tòa án đã tổng đạt trực tiếp các giấy triệu tập, thông báo nhưng do anh H thường xuyên đi làm nên không thể tổng đạt được, Tòa án đã tiến hành niêm yết theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, Toà án không thể tiến hành việc hoà giải cho các đương sự. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu phân chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với tài sản do ông Nguyễn Hữu V để lại cho những người thừa kế là Phan Thị V, Nguyễn Văn H, Nguyễn Hoa N, Nguyễn Thị Hồng V, Nguyễn Ngọc V và Nguyễn Thị Quỳnh H.

Ngày 05/7/2021, nguyên đơn bà Phan Thị V có đơn yêu cầu thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đối với di sản thừa kế nói trên. Ngày 23/7/2021, Tòa án đã tiến hành thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đối với di sản thừa kế là 03 thửa đất: Thửa đất số 151, tờ bản đồ số 32, diện tích 153,2 m²; thửa đất số 152, tờ bản đồ số 32, diện tích 140,4 m²; thửa đất số 153, tờ bản đồ số 32, diện tích 118,6 m²; địa chỉ các thửa đất tại khu phố 5, phường Ba Đ, thị xã Ba Đ, tỉnh Quảng Bình và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất. Cụ thể:

Thửa đất số 151, tờ bản đồ số 32, địa chỉ: Khu phố 5, phường Ba Đ, thị xã Ba Đ, tỉnh Quảng Bình có diện tích 153,2 m²; trong đó đất ở tại đô thị 50 m², đất trồng cây hàng năm khác 103,2 m², không có biên động gì so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Giá thị trường của thửa đất này là 2.650.000.746đ (Hai tỷ sáu trăm năm mươi triệu bảy trăm bốn mươi sáu đồng).

Thửa đất số 152, tờ bản đồ số 32, địa chỉ: Khu phố 5, phường Ba Đ, thị xã Ba Đ, tỉnh Quảng Bình có diện tích 140,4 m², trong đó đất ở tại đô thị 50,0 m², đất trồng cây hàng năm khác 90,4 m², không có biên động gì so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Giá thị trường của thửa đất này là 2.000.000.106đ (Hai tỷ một trăm linh sáu đồng).

Thửa đất số 153, tờ bản đồ số 32, địa chỉ: Khu phố 5, phường Ba Đ, thị xã Ba Đ, tỉnh Quảng Bình có diện tích 118,6 m²; trong đó đất ở tại đô thị 50 m², đất trồng cây hàng năm khác 68,6 m², không có biên động gì so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Giá thị trường của thửa đất này là 850.000.270 đ (Tám trăm năm mươi triệu hai trăm bảy mươi đồng).

Tổng giá trị của 03 thửa đất 151, 152, 153 theo giá thị trường là 5.500.001.122 đ (Năm tỷ năm trăm triệu không trăm linh một nghìn một trăm hai mươi hai đồng).

Tài sản gắn liền trên các thửa đất này gồm:

- Nhà thứ nhất: Là tài sản gắn liền trên các thửa đất số 152, 153: Nhà 2 tầng, móng bê tông cốt thép kết hợp móng tường xây đá hộc, kết cấu phân thân cột, dầm, sàn bê tông cốt thép kết hợp tường chịu lực. Tường xây bao che bằng gạch, tô trát hoàn chỉnh, chiều cao tầng 3,6 mét. Mái bằng bê tông cốt thép, xây tường thu hồi, trên lợp ngói. Tường, trần trang trí gờ chỉ, quét vôi ve màu. Nền lát gạch hoa, cửa kéo bằng sắt, cầu thang lát xi măng. Khu vệ sinh và bếp đầy đủ. Hệ thống điện đầy đủ. Diện tích xây dựng 14,8 m x 7,5 m = 111 m². Có giá là 531.135.000đ (Năm trăm ba mươi một triệu một trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

- Nhà thứ hai: Là tài sản gắn liền trên các thửa đất số 151, 152, 153. Nhà 01 tầng khung gỗ, mái lợp ngói. Nhà kết cấu khung gỗ nhòm 3, hình thức bình thường. Tường xây bao che bằng gạch tô trát hoàn chỉnh, quét vôi ve màu; nền láng xi măng, cửa nhôm kính, bếp và nhà vệ sinh nằm ngoài nhà. Diện tích xây dựng là 8,2 m x 9,3 m = 76,26 m². Có giá là 170.822.400 đ (Một trăm bảy mươi triệu tám trăm hai mươi hai nghìn bốn trăm đồng).

Tổng giá trị của hai ngôi nhà là 702.017.400 đồng (Bảy trăm linh hai triệu không trăm mười bảy nghìn bốn trăm đồng).

Tổng giá trị toàn bộ tài sản nhà và đất được định giá là 6.202.018.122 đồng (Sáu tỷ hai trăm linh hai triệu không trăm mười tám nghìn một trăm hai mươi hai đồng).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đ, tỉnh Quảng Bình phát biểu việc tuân theo pháp luật đối với Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, BLTTDS; Đối với bị đơn đã không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 70, Điều 72, Điều 78 BLTTDS đó là không tham gia vào một số phiên họp và hòa giải và tham gia tố tụng tại phiên tòa.

Căn cứ vào quá trình giải quyết vụ án, tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 5 Điều 26, Điều 35, Điều 147 Bộ luật TTDS; Điều 609, 611, 612, 649, 650, 651 và Điều 660 Bộ luật dân sự năm 2015: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Vẽ về việc chia di sản thừa kế do ông Nguyễn Hữu Việng để lại như sau:

- + Giao cho bà Phan Thị V được quản lý, sử dụng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền trên đất tại 03 thửa đất số 151, 152, 153 tờ bản đồ số 32 tại khu phố 5, phường Ba Đồn, thị xã Ba Đồn với tổng diện tích là 412,2m² và tài sản gắn liền trên đất gồm 01 ngôi nhà hai tầng và 01 ngôi nhà 01 tầng như trong biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 23/7/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn.

- + Bà Phan Thị V phải giao lại tiền chênh lệch về việc chia di sản thừa kế cho anh Nguyễn Văn H số tiền 516.834.843 đồng.

- + Về án phí: Căn cứ khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Bà Phan Thị V là người cao tuổi đã có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không nhận di sản thừa kế mà giao cho cho bà V được quyền sở hữu, sử dụng thì không phải chịu án phí. Anh Nguyễn Văn H phải chịu án phí tương ứng với giá trị tài sản được thừa kế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự cũng như kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1 Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp phát sinh khi bà Phan Thị Vẽ là người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Hữu V khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế trong khối tài sản chung của vợ chồng là quyền sử dụng đất tại 03 thửa đất gồm: Thửa đất số 151, tờ bản đồ số 32, diện tích 153,2 m²; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA 325048, được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Bình cấp ngày 14/12/2020. Thửa đất số 152, tờ bản đồ số 32, diện tích 140,4 m²; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA 325049, được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Bình cấp ngày 14/12/2020. Thửa đất số 153, tờ bản đồ số 32, diện tích 118,6 m²; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA 325050, được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh

Quảng Bình cấp ngày 14/12/2020. Địa chỉ các thửa đất tại khu phố 5, phường Ba Đ, thị xã Ba Đ, tỉnh Quảng Bình và 02 ngôi nhà tọa lạc trên 03 thửa đất nói trên. Phần di sản để lại không có di chúc nên xác định quan hệ tranh chấp là yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật; thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thị xã Ba Đ, tỉnh Quảng Bình là đúng theo quy định tại khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tổ tụng Dân sự.

1.2 Về thời điểm mở thừa kế: Ông Nguyễn Hữu V chết ngày 16/5/2007. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 611 Bộ luật dân sự, thời điểm mở thừa kế của ông V là ngày 16/5/2007.

1.3 Về thời hiệu khởi kiện: Ông Nguyễn Hữu V chết ngày 16/5/2007, đến ngày 23/4/2021 bà Phan Thị V yêu cầu chia di sản thừa kế của ông V. Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự yêu cầu khởi kiện của bà V trong thời hiệu được quyền khởi kiện.

1.4 Về sự vắng mặt của bị đơn:

Tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Văn H vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên Tòa án xét xử vắng mặt anh H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Xét về hàng thừa kế: Theo lời khai của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện thì: Ông Nguyễn Hữu V, sinh năm 1945, chết ngày 16/5/2007. Bố mẹ của ông V hiện nay đều đã chết. Ông V có vợ là bà Phan Thị V, sinh năm 1950. Bà V khai rằng ông bà kết hôn với nhau nhưng do thời gian đã quá lâu nên bà không nhớ rõ, tại phiên tòa bà khai rằng ông bà sống chung với nhau từ trước năm 1987. Theo quy định tại điểm a Mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 về việc thi hành luật Hôn nhân và gia đình: Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03/01/1987, ngày Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Như vậy giữa ông V và bà V là quan hệ hôn nhân thực tế, được pháp luật công nhận. Ông V và bà V có 05 con chung là: Nguyễn Văn H, sinh năm 1978; Nguyễn Hoa N, sinh năm 1976; Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm 1982; Nguyễn Ngọc V, sinh năm 1983 và Nguyễn Thị Quỳnh H, sinh năm 1986. Ngoài 5 người con trên thì ông V không có con nuôi hoặc con riêng nào khác. Ngày 16/5/2007 ông V chết không để lại di chúc. Các đương sự thống nhất và không ai có ý kiến gì thêm về những người trong hàng thừa kế nên căn cứ vào Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015 cần xác định những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất và được hưởng di sản của ông Nguyễn Hữu V gồm: Bà Phan Thị V, anh Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Hoa N, chị Nguyễn Thị Hồng V, anh Nguyễn Ngọc V và chị Nguyễn Thị Quỳnh H.

2.2. Xét về di sản thừa kế: Nguồn gốc di sản thừa kế: Thửa đất số 44, tờ bản đồ số 32; địa chỉ thửa đất: Khu phố 5, phường Ba Đ, thị xã Ba Đ, tỉnh

Quảng Bình do bà và chồng bà là ông Nguyễn Hữu V khai hoang mà có. Tuy nhiên do quy hoạch làm đường nội thị thuộc thị xã Ba Đồn nên Ủy ban nhân dân huyện Quảng Trạch chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng bà. Đến ngày 06/10/2020 sau khi xóa quy hoạch, không làm đường nội thị nữa thì gia đình bà mới được Ủy ban nhân dân thị xã Ba Đồn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ), lúc này GCNQSDĐ mang tên bà Phan Thị Vẽ là người đại diện của những người được thừa kế. Sau đó, bà đã làm đơn gửi Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Bình đề nghị tách thửa đất nói trên. Đến ngày 14/12/2020, thửa đất đó đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Bình tách thành 03 thửa đất, gồm: Thửa đất số 151, tờ bản đồ số 32, diện tích 153,2 m²; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA 325048. Thửa đất số 152, tờ bản đồ số 32, diện tích 140,4 m²; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA 325049. Thửa đất số 153, tờ bản đồ số 32, diện tích 118,6 m²; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA 325050. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của 03 thửa đều mang tên bà Phan Thị V là người đại diện của những người được thừa kế và 02 ngôi nhà, gồm: Nhà 02 tầng có diện tích 111 m² và nhà gỗ có diện tích 76, 26 m². Đây là tài sản chung của vợ chồng ông Việng, bà Vẽ. Ông Việng chết vào ngày 16/5/2007 không có di chúc vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 612, Điều 650 và Điều 651 Bộ luật Dân sự xác định $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng đất của 03 thửa đất và tài sản gắn liền trên 03 thửa đất (02 ngôi nhà) là di sản thừa kế của ông Nguyễn Hữu Việng. Theo biên bản định giá tài sản ngày 23/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản xác định: Giá trị của 03 thửa đất 151, 152, 153 theo giá thị trường là 5.500.001.122 đồng. Giá trị của hai ngôi nhà trên 03 thửa đất này là 702.017.400 đồng. Tổng giá trị toàn bộ tài sản nhà và đất được định giá là 6.202.018.122 đồng (Sáu tỷ hai trăm linh hai triệu không trăm mười tám nghìn một trăm hai mươi hai đồng). Như vậy phần di sản của ông Việng tính theo giá trị bằng tiền là 3.101.009.061 đồng.

2.3. Về kỹ phân thừa kế: Trong di sản thừa kế bao gồm: Giá trị quyền sử dụng đất của 03 thửa đất số 151, 152, 153 thuộc tờ bản đồ số 32 và tài sản gắn liền với đất là 02 ngôi nhà; có địa chỉ tại khu phố 5, phường Ba Đồn, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình thì bà Phan Thị V được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; còn $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản thuộc di sản của ông Nguyễn Hữu V. Phần di sản của ông Việng tính theo giá trị bằng tiền là 3.101.009.061 đồng. Tại khoản 2 Điều 651 Bộ luật Dân sự 2015 quy định những người thừa kế cùng hàng được hưởng phần di sản bằng nhau. Như vậy, di sản của ông V được chia cho 06 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm: Bà Phan Thị V, anh Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Hoa N, chị Nguyễn Thị Hồng V, anh Nguyễn Ngọc V và chị Nguyễn Thị Quỳnh H. Mỗi kỹ phần là $\frac{3.101.009.061}{6} = 516.834.843$ đồng (được làm tròn là 516.834.800 đồng).

6 người

2.4. Về việc giao di sản thừa kế: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyện vọng của nguyên đơn bà Phan Thị V là tiếp tục quản lý và sử dụng, sở hữu khối tài sản thừa kế và trả phần chênh lệch cho bị đơn anh

Nguyễn Văn H theo phần. Nguyên vọng của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hoa N, chị Nguyễn Thị Hồng V, chị Nguyễn Thị Quỳnh H và anh Nguyễn Ngọc V là giao lại phần thừa kế của mình cho mẹ là bà Phan Thị V được quản lý, sử dụng, sở hữu. Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo quyền lợi của bà trong khối tài sản chung cũng như phù hợp với nguyên vọng của bà và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và hiện trạng đất, nhà trên thực tế. Xét thấy cần giao toàn bộ 03 thửa đất và nhà gắn liền với đất cho bà Phan Thị V quản lý, sử dụng, sở hữu, đồng thời buộc bà V có trách nhiệm phải giao cho anh Nguyễn Văn H số tiền 516.834.800 đồng (Phần giá trị di sản thừa kế mà anh H được hưởng) là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 660 Bộ luật dân sự 2015.

2.5. Về trích công sức duy trì, bảo quản di sản: Bà V không có yêu cầu trích công sức bảo quản di sản thừa kế của ông V. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 1.600.000 đ (Một triệu sáu trăm nghìn đồng). Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phan Thị V không có ý kiến đề nghị giải quyết chi phí này và tự nguyện chịu toàn bộ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ khoản 2 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Các đương sự mỗi người phải chịu án phí dân sự có giá ngạch tương ứng với kỷ phần của mỗi người được hưởng:

Buộc bị đơn anh Nguyễn Văn H, phải chịu 24.673.400 đồng (Hai mươi tư triệu sáu trăm bảy mươi ba nghìn bốn trăm đồng) tiền án phí tương ứng với số tiền 516.834.800 đồng mà anh được hưởng.

Đối với những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hoa N, chị Nguyễn Thị Hồng V, anh Nguyễn Ngọc V và chị Nguyễn Thị Quỳnh H đều thống nhất giao cho bà V được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng phần di sản thừa kế của mình nên không phải chịu án phí.

Bà Phan Thị V, sinh năm 1950; tính đến thời điểm xét xử đã 71 tuổi thuộc trường hợp là người cao tuổi, bà V cũng có đơn xin miễn án phí, vì vậy căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà V. Đối với số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà V đã nộp theo biên lai số 0002294 ngày 29/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình cần trả lại cho bà.

Từ những căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 611, Điều 612, khoản 1 Điều 623, Điều 650, Điều 651, khoản 2 Điều 660 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a Mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 về việc thi hành luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản” của nguyên đơn bà Phan Thị V đối với bị đơn anh Nguyễn Văn H.

2. Xử vắng mặt anh Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Thị Hồng V, anh Nguyễn Ngọc V.

3. Xác định hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của ông Nguyễn Hữu V gồm: Bà Phan Thị V, anh Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Hoa N, chị Nguyễn Thị Hồng V, anh Nguyễn Ngọc V và chị Nguyễn Thị Quỳnh H.

4. Giao cho bà Phan Thị V được quyền sở hữu, sử dụng 03 thửa đất gồm:

- Thửa đất số 151, tờ bản đồ số 32, diện tích 153,2 m²; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA 325048, được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Bình cấp ngày 14/12/2020. (Có tứ cận: phía Bắc giáp thửa đất số 45, tờ bản đồ số 32, chiều dài 15 mét; phía Đông giáp thửa đất số 152 có chiều dài 5,57 mét và giáp thửa đất số 153, có chiều dài 6 mét, tờ bản đồ số 32; phía Nam giáp thửa đất số 50, tờ bản đồ số 32, có chiều dài 15,04 mét; phía Tây giáp đường giao thông có chiều dài 7,08 mét và mương thủy lợi có chiều dài 1,88 mét).

- Thửa đất số 152, tờ bản đồ số 32, diện tích 140,4 m²; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA 325049, được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Bình cấp ngày 14/12/2020. (Có tứ cận: phía Bắc giáp thửa đất số 45, tờ bản đồ số 32, chiều dài 18,64 mét; phía Đông giáp đường Lâm Úy có chiều dài 7,18 mét và 1,92 mét; phía Nam giáp thửa đất số 153, tờ bản đồ số 32, có chiều dài 20 mét; phía Tây giáp thửa đất số 151, tờ bản đồ số 32, chiều dài 5,57 mét).

- Thửa đất số 153, tờ bản đồ số 32, diện tích 118,6 m²; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA 325050, được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Bình cấp ngày 14/12/2020. (Có tứ cận: phía Bắc giáp thửa đất số 152, tờ bản đồ số 32, chiều dài 20 mét; phía Đông giáp đường Lâm Úy có chiều dài 6 mét; phía Nam giáp thửa đất số 50, tờ bản đồ số 32, có chiều dài 20 mét; phía Tây giáp thửa đất số 151, tờ bản đồ số 32, có chiều dài 6 mét).

Địa chỉ các thửa đất tại khu phố 5, phường Ba Đồn, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình; các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Phan Thị V là người đại diện của những người được thừa kế;

Và 02 ngôi nhà tọa lạc trên các thửa đất nói trên (Gồm: 01 ngôi nhà 2 tầng, móng bê tông cốt thép kết hợp móng tường xây đá hộc, kết cấu phần thân cột, dầm, sàn bê tông cốt thép kết hợp tường chịu lực. Tường xây bao che bằng gạch, tô trát hoàn chỉnh, chiều cao tầng 3,6 mét. Mái bằng bê tông cốt thép, xây tường thu hồi, trên lợp ngói. Tường, trần trang trí gờ chỉ, quét vôi ve màu. Nền lát gạch hoa, cửa kéo bằng sắt, cầu thang lát xi măng. Khu vệ sinh và bếp đầy đủ. Hệ thống điện đầy đủ. Diện tích xây dựng $14,8 \text{ m} \times 7,5 \text{ m} = 111 \text{ m}^2$. Có giá là 531.135.000đ (Năm trăm ba mươi một triệu một trăm ba mươi lăm nghìn đồng; 01 ngôi nhà khung gỗ, mái lợp ngói. Nhà kết cấu khung gỗ nhóm 3, hình thức bình thường. Tường xây bao che bằng gạch tô trát hoàn chỉnh, quét vôi ve màu; nền lát xi măng, cửa nhôm kính, bếp và nhà vệ sinh nằm ngoài nhà. Diện tích xây dựng là $8,2 \text{ m} \times 9,3 \text{ m} = 76,26 \text{ m}^2$. Có giá là 170.822.400 đ (Một trăm bảy mươi triệu tám trăm hai mươi hai nghìn bốn trăm đồng).

Trong đó có $\frac{1}{2}$ giá trị là phần di sản của ông Nguyễn Hữu V để lại có trị giá là 3.101.009.061 đồng và $\frac{1}{2}$ trị giá là tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Phan Thị Vẽ là 3.101.009.061 đồng.

3. Bà Phan Thị V có trách nhiệm trả cho anh Nguyễn Văn H số tiền 516.834.800 đồng (Năm trăm mười sáu triệu tám trăm ba mươi tư nghìn tám trăm đồng) là giá trị phần di sản anh Hải được hưởng.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Nguyễn Văn H phải nộp 24.673.400 đồng (Hai mươi tư triệu sáu trăm bảy mươi ba nghìn bốn trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước.

- Đối với những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hoa N, chị Nguyễn Thị Hồng V, anh Nguyễn Ngọc V và chị Nguyễn Thị Quỳnh H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Phan Thị V được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, đồ. Bà Phan Thị V được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn theo biên lai số 0002294 ngày 29/4/2021.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất được xác định theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, anh Nguyễn Ngọc Vinh và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 17/12/2021); đối với bị đơn anh Nguyễn Văn Hải và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã (phường) nơi anh họ thường trú./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã Ba Đồn;
- Chi cục THADS thị xã Ba Đồn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Dương